

- A. Tăng thu nhập cá nhân.
- C. Tuyển được nhiều lao động mới.

- B. Tìm kiếm việc làm cho mình.
- D. Hưởng phí trung gian môi giới

2. THÔNG HIỂU

Câu 6: Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất của thất nghiệp thì thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp

- A. tự giác.
- B. quyền lực.
- C. không tự nguyện.
- D. luôn bắt buộc.

Câu 7: Với loại hình thất nghiệp chu kỳ, kho nền kinh tế phát triển, các ngành sản xuất không ngừng mở rộng thì tỷ lệ thất nghiệp thường có xu hướng

- A. cao.
- B. thấp.
- C. giữ nguyên.
- D. cân bằng.

Câu 8: Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ phi mã nó thể hiện ở mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ từ

- A. hai con số trở lên.
- B. một con số trở lên.
- C. không đến có.
- D. mọi ngành hàng.

Câu 9: Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một ý tưởng kinh doanh tốt?

- A. Có ưu thế vượt trội.
- B. Có tính mới mẻ, độc đáo.
- C. Không có tính khả thi.
- D. Có lợi thế cạnh tranh.

Câu 10: Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất của thất nghiệp thì thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp

- A. tự giác.
- B. quyền lực.
- C. không tự nguyện.
- D. luôn bắt buộc.

3. VẬN DỤNG

Câu 11: Với loại hình thất nghiệp chu kỳ, kho nền kinh tế phát triển, các ngành sản xuất không ngừng mở rộng thì tỷ lệ thất nghiệp thường có xu hướng

- A. cao.
- B. thấp.
- C. giữ nguyên.
- D. cân bằng.

Câu 12 Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ phi mã nó thể hiện ở mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ từ

- A. hai con số trở lên.
- B. một con số trở lên.
- C. không đến có.
- D. mọi ngành hàng

Câu 13: Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một ý tưởng kinh doanh tốt?

- A. Có ưu thế vượt trội.
- B. Có tính mới mẻ, độc đáo.
- C. Không có tính khả thi.
- D. Có lợi thế cạnh tranh.

Câu 14 Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ giảm điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

- A. Cung giảm xuống.
- B. Cung tăng lên.
- C. Cung không đổi.
- D. Cung bằng cầu.

Câu 15: Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ có xu hướng như thế nào đối với tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất?

- A. Tăng nhanh hơn.
- B. Tăng chậm hơn.
- C. Giảm sâu hơn.
- D. Luôn cân bằng.

4. VẬN DỤNG CAO

Câu 16: Khẳng định nào dưới đây là sai khi nói về lạm phát vừa phải?

- A. Là lạm phát một con số (dưới 10% hàng năm).
- B. Là lạm phát bình thường, không gây hậu quả đáng kể tới nền kinh tế.
- C. Là lạm phát mà ở đó giá trị đồng tiền vẫn khá ổn định.
- D. Là lạm phát mà ở đó đồng tiền mất giá nhanh chóng.

Câu 17: Trường hợp. Biết tin công ty đối thủ đang gây ra tai tiếng vì chất lượng sản phẩm không đảm bảo, chị M tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần. Việc làm của chị M trong trường hợp dới đây đã thể hiện năng lực nào của chủ thể kinh doanh?

- A. Năng lực nắm bắt cơ hội.
- B. Năng lực giao tiếp, hợp tác.
- C. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.
- D. Năng lực thiết lập quan hệ.

Câu 18 : Có chiến lược kinh doanh rõ ràng, biết xác định mục tiêu ngắn hạn, dài hạn - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực trách nhiệm xã hội.
- B. Năng lực chuyên môn.
- C. Năng lực định hướng chiến lược.
- D. Năng lực nắm bắt cơ hội.

Câu 19: Chị D làm vườn, chị thấy cần phải kết hợp thêm chăn nuôi. Chị suy nghĩ: cần nuôi thêm gà, vịt, ngan hay chỉ nuôi lợn. Sau khi tính toán, chị đã quyết định nuôi lợn và ngan thịt. Chị cho rằng thức ăn

của lợn và ngan có thể dùng chung cho nhau. Chị nấu chín thức ăn (bao gồm rau và ngô nghiền) cho lợn và ngan ăn. Đàn ngan của chị lớn nhanh, mỗi quý chị xuất chuồng 50 con ngan với khối lượng từ 2.5 đến 3kg/con. Thu nhập từ bán ngan thịt và lợn của chị D là 5 triệu đồng một quý (3 tháng). Sau khi trừ chi phí giống, thức ăn và dịch vụ, chị thu lãi mỗi quý 1 triệu đồng. Ngoài ra chất thải của ngan và lợn được ủ kỹ và bón cho cây trong vườn, nhờ vậy mà thu nhập nghề vườn cũng tăng, đồng thời cũng bảo vệ được môi trường. Trong trường hợp này chị D đã thể hiện tốt năng lực kinh doanh nào dưới đây?

- A. Năng lực phân tích và sáng tạo. B. Năng lực hoạt động xã hội.
C. Năng lực quản lý nhân viên. D. Năng lực tự chủ tài chính.

Câu 20: Trên địa bàn huyện X có anh D và chị H đều vừa tốt nghiệp THPT. Nhận thấy nhu cầu sử dụng hoa cây cảnh ngày càng cao, với lợi thế khí hậu và diện tích đất sẵn có, chị H đã chủ động tìm tòi học hỏi và phát triển nghề trồng hoa cây cảnh. Nhờ việc tiếp thị và quảng cáo tốt, việc trồng hoa đem lại thu nhập cao và mở ra hướng phát triển bền vững. Anh D xác định không học tiếp đại học, anh học nghề sửa xe và mở cửa hàng sửa xe tại thị trấn, do thường xuyên học hỏi và bản tính cần cù chịu khó, quán sửa xe của anh ngày càng đông khách và được khách hàng ghi nhận. Trong trường hợp này anh D và chị đã thể hiện phẩm chất năng lực nào trong kinh doanh?

- A. Năng lực hoạt động xã hội. B. Năng lực quản lý nhân viên.
C. Năng lực chuyên môn nghiệp vụ. D. Năng lực lãnh đạo nhân viên

ĐỀ MINH HOẠ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM(7 điểm)

Câu 1: Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ganh đua. B. thỏa hiệp. C. thỏa mãn. D. ký kết.

Câu 2: Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

- A. Chi phí sản xuất. B. Giá cả.
C. Năng suất lao động. D. Nguồn lực.

Câu 3: Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

- A. thị trường lao động. B. thị trường tài chính.
C. thị trường tiền tệ. D. thị trường công nghệ

Câu 4: Khi tham gia vào thị trường lao động, người bán sức lao động và người mua sức lao động thỏa thuận nội dung nào dưới đây?

- A. Tiền công, tiền lương. B. Điều kiện đi nước ngoài.
C. Điều kiện xuất khẩu lao động. D. Tiền môi giới lao động.

Câu 5: Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật

- A. bắt buộc. B. cấm. C. không cấm. D. quy định.

Câu 6: Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang

- A. trưởng thành. B. phát triển. C. thất nghiệp. D. tự tin.

Câu 7: Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp cơ cấu. B. thất nghiệp tạm thời.
C. thất nghiệp tự nguyện. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 8: Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ thường tăng ở mức độ

- A. một con số. B. hai con số trở lên.
C. không đáng kể. D. không xác định

Câu 9: Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

- A. tính phi lợi nhuận. B. tính sáng tạo. C. tính nhân đạo. D. tính xã hội.

Câu 10: Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh **không** xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Đam mê. B. Hiểu biết. C. Lợi thế. D. Bệnh lý.

Câu 11: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tinh giảm lao động. B. Thiếu kỹ năng làm việc.

C. Không hài lòng với công việc.

D. Do vi phạm hợp đồng lao động.

Câu 12: Việc làm nào dưới đây của cơ quan quản lý nhà nước sẽ góp phần kiềm chế tiến tới đẩy lùi nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế?

A. Tăng lãi suất.

B. Giảm lãi suất.

C. Tăng cung tiền.

D. Đổi tiền mới.

Câu 13: Yếu tố nào dưới đây **không** phải là tiêu chí để đánh giá một ý tưởng kinh doanh tốt?

A. Có ưu thế vượt trội.

B. Có tính mới mẻ, độc đáo.

C. Không có tính khả thi.

D. Có lợi thế cạnh tranh.

Câu 14: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ giảm điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

A. Cung giảm xuống.

B. Cung tăng lên.

C. Cung không đổi.

D. Cung bằng cầu.

Câu 15: Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ có xu hướng như thế nào đối với tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất?

A. Tăng nhanh hơn.

B. Tăng chậm hơn.

C. Giảm sâu hơn.

D. Luôn cân bằng.

Câu 16: Người tiêu dùng biết cân nhắc, lựa chọn hàng hoá, dịch vụ; chi tiêu có kế hoạch, phù hợp với nhu cầu bản thân là nội dung thể hiện đặc điểm nào trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam?

A. Tính kế thừa.

B. Tính giá trị.

C. Tính thời đại

D. Tính hợp lí.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

A. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

B. Kiểm soát tăng trưởng kinh tế.

C. Thu lợi nhuận cho người kinh doanh.

D. Hạn chế sử dụng nhiên liệu.

Câu 18: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

A. Kỳ vọng của người sản xuất.

B. Tâm lý của người tiêu dùng.

C. Tâm trạng của người mua hàng.

D. Thị hiếu của người tiêu dùng.

Câu 19: Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp có nhiều thay đổi, trong đó lao động có đặc trưng nào dưới đây chiếm ưu thế trong tuyển dụng?

A. Lao động được đào tạo.

B. Lao động không qua đào tạo.

C. Lao động giản đơn.

D. Lao động có trình độ thấp.

Câu 20: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Do cơ sở kinh doanh đóng cửa.

B. Mất cân đối cung cầu lao động.

C. Bị kỷ luật do vi phạm hợp đồng.

D. Nền kinh tế rơi vào khủng hoảng.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

A. Giá cả hàng hóa tăng lên.

B. Chi phí sản xuất tăng lên.

C. Cầu có xu hướng tăng lên.

D. Thu nhập người dân tăng.

Câu 22: Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh, yếu tố nào dưới đây **không** thuộc về cơ hội bên ngoài của các chủ thể sản xuất kinh doanh?

A. Nhu cầu của thị trường.

B. Sự cạnh tranh giữa các chủ thể.

C. Khả năng huy động các nguồn lực.

D. Vị trí triển khai hoạt động kinh doanh.

Câu 23: Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh rất cần thiết, giúp người kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản nào dưới đây khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh?

A. Thời gian sẽ thành công.

B. Kinh doanh mặt hàng gì.

C. Đóng góp cho nền kinh tế.

D. Đóng góp cho gia đình.

Câu 24: Khi lạm phát xảy ra, trong xã hội hiện tượng nào dưới đây có xu hướng gia tăng?

A. Phân hóa giàu nghèo.

B. Tiêu dùng đa dạng.

C. Thu nhập thực tế.

D. Tiền lương thực tế.

Câu 25: Khẳng định nào dưới đây là sai khi nói về lạm phát vừa phải?

A. Là lạm phát một con số (dưới 10% hàng năm).

B. Là lạm phát bình thường, không gây hậu quả đáng kể tới nền kinh tế.

C. Là lạm phát mà ở đó giá trị đồng tiền vẫn khá ổn định.

D. Là lạm phát mà ở đó đồng tiền mất giá nhanh chóng.

Câu 26: Trường hợp. Biết tin công ty đối thủ đang gây ra tai tiếng vì chất lượng sản phẩm không đảm bảo, chị M tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần. Việc làm của chị M trong trường hợp dưới đây đã thể hiện năng lực nào của chủ thể kinh doanh?

A. Năng lực nắm bắt cơ hội.

B. Năng lực giao tiếp, hợp tác.

C. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.

D. Năng lực thiết lập quan hệ.

Câu 27: Chị D làm vườn, chị thấy cần phải kết hợp thêm chăn nuôi. Chị suy nghĩ: cần nuôi thêm gà, vịt, ngan hay chỉ nuôi lợn. Sau khi tính toán, chị đã quyết định nuôi lợn và ngan thịt. Chị cho rằng thức ăn của lợn và ngan có thể dùng chung cho nhau. Chị nấu chín thức ăn (bao gồm rau và ngô nghiền) cho lợn và ngan ăn. Đàn ngan của chị lớn nhanh, mỗi quý chị xuất chuồng 50 con ngan với khối lượng từ 2.5 đến 3kg/con. Thu nhập từ bán ngan thịt và lợn của chị D là 5 triệu đồng một quý (3 tháng). Sau khi trừ chi phí giống, thức ăn và dịch vụ, chị thu lãi mỗi quý 1 triệu đồng. Ngoài ra chất thải của ngan và lợn được ủ kĩ và bón cho cây trong vườn, nhờ vậy mà thu nhập nghề vườn cũng tăng, đồng thời cũng bảo vệ được môi trường. Trong trường hợp này chị D đã thể hiện tốt năng lực kinh doanh nào dưới đây?

A. Năng lực phân tích và sáng tạo.

B. Năng lực hoạt động xã hội.

C. Năng lực quản lý nhân viên.

D. Năng lực tự chủ tài chính.

Câu 28: Trên địa bàn huyện X có anh D và chị H đều vừa tốt nghiệp THPT. Nhận thấy nhu cầu sử dụng hoa cây cảnh ngày càng cao, với lợi thế khí hậu và diện tích đất sẵn có, chị H đã chủ động tìm tòi học hỏi và phát triển nghề trồng hoa cây cảnh. Nhờ việc tiếp thị và quảng cáo tốt, việc trồng hoa đem lại thu nhập cao và mở ra hướng phát triển bền vững. Anh D xác định không học tiếp đại học, anh học nghề sửa xe và mở cửa hàng sửa xe tại thị trấn, do thường xuyên học hỏi và bán tính cần cù chịu khó, quán sửa xe của anh ngày càng đông khách và được khách hàng ghi nhận. Trong trường hợp này anh D và chị đã thể hiện phẩm chất năng lực nào trong kinh doanh?

A. Năng lực hoạt động xã hội.

B. Năng lực quản lý nhân viên.

C. Năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

D. Năng lực lãnh đạo nhân viên.

II. PHÂN TỬ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Sau khi tốt nghiệp đại học, anh T trở về quê nhà mở trung tâm giảng dạy vì anh hiểu được những khó khăn của các em học sinh trong việc học tiếng Anh. Để thu hút học sinh, anh T cùng các bạn luôn tìm cách nâng cao chất lượng dạy học như: thiết kế nội dung giảng dạy gắn liền với văn hóa địa phương; phối hợp với các trung tâm uy tín để hỗ trợ phát triển chương trình; tổ chức các câu lạc bộ cho học sinh tham gia... Trung tâm của anh T được nhiều phụ huynh tin tưởng cho con em theo học. Nhờ đó, các em học sinh đã tự tin hơn trong cuộc sống và lựa chọn ngành nghề trong tương lai.

a. Trong trường hợp này anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh T đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em trong trường hợp này anh T đã thể hiện tốt năng lực gì trong kinh doanh?

Câu 2: (1 điểm): Thất nghiệp là gì? Nêu vai trò của nhà nước trong việc kiểm chế và kiểm soát thất nghiệp?